

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/ HNGĐ- ST

Ngày: 11-8-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Phạm Phúc Ân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1990

HKTT: Khu dân cư P, phường H, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư B-T, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu dân cư P, phường H, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T trình bày:

Chị K và anh T kết hôn ngày 24-11-2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 1 năm 2019, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, chăm sóc con cái. Con chung của anh chị bị ốm, anh chị không thống nhất được việc đưa con đi chữa trị tại bệnh viện. Sau khi bố mẹ chị K tham gia ý kiến, giữa bố mẹ chị K và anh T có xảy ra mâu thuẫn, to tiếng dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Đến tháng 5 năm 2019, anh T bỏ đi làm ăn, không liên lạc, không gửi tiền về nhà cho chị K. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đến tháng 12 năm 2019 bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T quay về yêu cầu chị K cùng về nhà nội sinh sống cùng anh nhưng anh không bước chân vào nhà ông bà ngoại. Giữa chị K và anh T có nói chuyện thì lại xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn và không thể cải thiện được tình cảm vợ chồng. Nay chị K đề nghị Tòa án được ly hôn anh T. Theo anh T trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do bố mẹ đẻ chị K phá vỡ quan hệ vợ chồng. Anh không đồng ý ly hôn chị K, anh muốn vợ chồng về chung sống với nhau, ai làm gì thì làm, tự do, không can thiệp lẫn nhau, không cần quan tâm đến nhau, không cần quan hệ vợ chồng nhưng để con có đủ bố mẹ.

Về con chung: Chị K và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 23-8-2017, hiện đang ở với chị K. Nếu vợ chồng ly hôn, chị K và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị K tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T không trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị K làm Công ty, thu nhập hàng tháng là 6.500.000đồng, thời gian làm việc làm vào giờ hành chính.

Về tài sản, nợ: Chị K và anh T xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư P, bà C- mẹ đẻ chị K xác nhận: Quá trình chị K và anh T sinh sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ. Anh T có chửi bới, xúc phạm chị K. Sau một lần, bố mẹ chị K góp ý, tham gia việc chữa trị cho con, anh T phật ý và tuyên bố không qua lại nhà bố mẹ đẻ chị K nữa. Từ đó, anh T không quan tâm gì đến mẹ con chị K cả về tình cảm lẫn kinh tế. Nay anh chị

ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định pháp luật. Nếu anh chị ly hôn, chị K được nuôi con chung thì bà C tạo mọi điều kiện cho mẹ con chị ở, hỗ trợ chị K chăm sóc, trông nom cháu N. Hoàn cảnh gia đình anh T khó khăn, là hộ cận nghèo, mẹ anh T làm nông nghiệp, bố anh T bị ung thư, hiện nằm liệt tại nhà cần có người chăm sóc.

Tại phiên tòa:

Chị K và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị K được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 23-8-2017 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị K khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, chị K vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận, đến tháng 1 năm 2019

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng việc sinh hoạt hằng ngày, chăm sóc con cái. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà giữa anh T và bố mẹ chị K có xảy ra mâu thuẫn khiến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Anh chị đã không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn chị K với mục đích chỉ vì để con cái đủ cả bố và mẹ mà vợ chồng không cần quan tâm gì đến nhau. Khi Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị, anh T không tham gia hòa giải. Bản thân anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, bỏ mặc nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế, lý do anh T không đồng ý ly hôn là không chính đáng, chỉ nhằm gây khó khăn cho chị K. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của chị K và anh T thì thấy: Cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 23-8-2017, hiện đang dưới 36 tháng tuổi, cháu ở với chị K từ nhỏ. Hiện chị K đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng là 6.500.000đồng. Nếu chị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì có được sự hỗ trợ từ gia đình chị về nơi ở cũng như chăm sóc cháu N khi chị đi làm. Vì vậy cần giao con chung là Nguyễn Thiện N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với điều kiện sinh sống thực tế của anh chị. Về cấp dưỡng: Chị K tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị K và anh T không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 23-8-2017 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh T quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ với số tiền 300.000đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006356 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- UBND phường H, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**